

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN H

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **29/2018/HSST**

Ngày: 15/5/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Nhã Phương**.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông **Vũ Như Anh**

2/. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hải Lý** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Ông **Hồ Xuân Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2018/TLST-HS, ngày 16/4/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXHS-ST, ngày 02/5/2018 đối với bị cáo:

Hà Văn S, sinh năm 1997 tại huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 16, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 3/10; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn L, sinh năm 1966 và con bà Hoàng Thị M, sinh năm 1969, hiện nay đang sinh sống tại thôn 16, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo chưa có vợ.

Bị cáo được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11, ngày 06/02/2018 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hoàng Văn C - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bị hại:** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn 16, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Danh X, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- **Người làm chứng:**

1. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1998.

Trú tại: Thôn 16, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông Hà Văn L, sinh năm 1966.

Trú tại: Thôn 16, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/01/2018, Hà Văn S đi ra khu vực bờ suối thuộc thôn 16, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk để xem Hoàng Văn T, Hoàng Văn P kích cá dưới suối. Sang thấy một xe mô tô biển kiểm soát 47F1-039.62 để bên suối, khi T và P đi khuất tầm nhìn để xe, S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để trong cốp xe của T (vì S biết khi T đi kích cá thường để điện thoại trong cốp xe). S dùng tay nâng yên xe lên rồi lấy trộm một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng. Sau khi lấy điện thoại S đưa đến tiệm điện thoại Thiên Long tại thôn T, xã T, huyện H bán cho anh Bùi Danh X là chủ tiệm với giá 2.500.000 đồng, số tiền trên S tiêu xài cá nhân hết 600.000 đồng. Khi anh T đi kích cá về thì phát hiện bị mất điện thoại nên làm đơn trình báo, Công an tiến hành điều tra thì S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 01/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: Giá trị 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng tại thời điểm ngày 17/01/2018 là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS, ngày 13/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Hà Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Qua phần thẩm vấn công khai và tranh luận tại phiên tòa bị cáo Hà Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: ngày 17/01/2018, bị cáo đã có hành vi lấy trộm một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng của anh T để trong cốp xe, sau đó mang đến tiệm điện thoại Thiên Long tại thôn T, xã T, huyện H bán cho anh Bùi Danh X là chủ tiệm với giá 2.500.000 đồng. Ngoài bị cáo ra không có ai cùng bị cáo tham gia vụ trộm tài sản nói trên. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là đúng, không oan sai cho bị cáo.

Tại phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố Nhà nước, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong công tác xét xử tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hà Văn S về tội “Trộm cắp tài sản”. Và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Hà Văn S từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 12 tháng đến 16 tháng.

Về án phí. Do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã C nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng cho anh Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

Quá điều tra bị cáo và gia đình đã hoàn trả lại cho anh Bùi Danh X số tiền 2.500.000đ nên anh X không có yêu cầu gì thêm.

Đối với hành vi của anh Bùi Danh X mua điện thoại của bị cáo Hà Văn S nhưng không biết là tài sản do S trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo khẳng định bị cáo Hà Văn S có hành vi trộm cắp tài sản và bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã đề nghị là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Vì bị cáo là dân tộc thiểu số, gia đình thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị hội đồng xét xử cho bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hà Văn S, người bị hại Hoàng Văn T, người bào chữa không có ý kiến tranh luận gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với xe mô tô mà bị cáo S sử dụng để đi bán chiếc điện thoại xác định là xe của ông Hà Văn L, ông L không biết bị cáo S sử dụng xe để đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên không đặt ra để giải quyết.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Hà Văn S đã tỏ ra thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Hà Văn S đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng đối với bản thân bị cáo Hà Văn S, bên cạnh đó còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật hình sự, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của anh Hoàng Văn T trái pháp luật, gây hoang mang, bất bình trong cộng đồng dân cư xung quanh, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị.

Song, xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bản chất lười lao động nhưng lại muốn chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác để tư lợi cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm điện thoại của anh T. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tự nguyện bồi thường cho anh X số tiền 2.500.000đ; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo của xã C; bị cáo được người bị hại làm đơn bãi nại. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Hà Văn S từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 12 tháng đến 16 tháng là phù hợp với tính chất hành vi, hậu quả, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên cần chấp nhận.

Việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên cần chấp nhận; Người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần chấp nhận.

Như vậy, với tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra, HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội, áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo Hà Văn S được hưởng án treo. Giao bị cáo Hà Văn S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Đối với hành vi của anh Bùi Danh X mua điện thoại của bị cáo Hà Văn S nhưng không biết là tài sản do S trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đối với xe mô tô mà bị cáo S sử dụng để đi bán chiếc điện thoại xác định là xe của ông Hà Văn L, ông L không biết bị cáo S sử dụng xe để đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Danh X không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng cho anh Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí: Xét đơn xin miễn tiền án phí của bị cáo Hà Văn S vì gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo (có giấy chứng nhận hộ nghèo kèm theo) nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn S+.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

[1]. Xử phạt: Bị cáo Hà Văn S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Văn S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hà Văn S có thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

[2]. Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Danh X không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đề cập giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7SF màu vàng đồng cho anh Hoàng Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn S.

[4]. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện H
- Chi cục THADS huyện H
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Nhã Phương